

**Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 58

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 512 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông bất thường đã phê duyệt phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa vào Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 303.830.405 cổ phiếu mới vào ngày 6 tháng 9 năm 2017 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa theo tỷ lệ 1:1,02. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 18 tháng 9 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch thường trực	bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó chủ tịch	
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên	
Ông Henry Chung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban	
Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên	
Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngử Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc thường trực	bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 2 Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Đức Tồn	Giám đốc Nhà máy	miễn nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán	
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Nguyễn Hùng Việt	Giám đốc Kỹ thuật	bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Lê Huy Thành	Giám đốc Khối Nông nghiệp kiêm Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 1	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hòa	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 3	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Giám đốc Hỗ trợ	bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2017
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc Hỗ trợ	bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2016 miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hồng Dương.

Bà Trần Quế Trang được Ông Phạm Hồng Dương ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định số 04/2017/QĐ – CT.HĐQT ngày 20 tháng 2 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Huỳnh Ước My
Thành viên Hội đồng Quản trị
Giấy Ủy quyền số 18/2017/GUQ-TTCS

Ngày 20 tháng 9 năm 2017

Số tham chiếu: 61248763/19301263

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 9 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Vương Văn Minh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3446-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 9 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.241.680.231.688	3.214.288.087.867
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	62.187.577.074	558.391.859.290
111	1. Tiền		62.187.577.074	292.891.859.290
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	265.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	67.736.224.925	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		69.379.966.906	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.643.741.981)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.323.782.479.290	1.504.662.661.343
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	495.859.975.929	516.463.033.554
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	763.063.021.070	843.053.047.468
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30	15.000.000.000	114.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	88.352.460.694	65.365.472.035
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8	(38.492.978.403)	(34.718.891.714)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.659.685.225.883	1.108.606.261.843
141	1. Hàng tồn kho		1.660.975.438.458	1.109.425.753.419
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.290.212.575)	(819.491.576)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		128.288.724.516	42.627.305.391
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	60.634.346.409	35.374.193.564
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	6.971.039.820
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	67.654.378.107	282.072.007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.480.477.637.716	2.605.401.883.150
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		182.797.313.608	147.239.518.224
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	7	22.658.393.705	11.969.867.212
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	160.138.919.903	135.269.651.012
220	II. Tài sản cố định		570.054.210.145	616.228.639.654
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	424.629.317.727	445.207.701.402
222	Nguyên giá		1.881.475.983.062	1.805.724.700.946
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.456.846.665.335)	(1.360.516.999.544)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	145.424.892.418	171.020.938.252
228	Nguyên giá		160.984.063.181	186.297.385.031
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.559.170.763)	(15.276.446.779)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	131.118.256.994	-
231	1. Nguyên giá		138.061.019.789	-
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(6.942.762.795)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		45.691.373.486	117.580.128.491
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	45.691.373.486	117.580.128.491
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	2.514.826.747.088	1.689.736.468.512
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	1.118.629.504.600	967.629.504.600
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	1.397.740.319.375	463.135.039.400
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	770.062.384	259.937.095.306
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.313.139.271)	(965.170.794)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		35.989.736.395	34.617.128.269
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	35.654.264.372	33.760.640.478
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	335.472.023	856.487.791
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.722.157.869.404	5.819.689.971.017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.642.057.360.664	3.118.083.369.740
310	I. Nợ ngắn hạn		2.442.974.515.264	2.147.503.211.240
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	123.294.298.086	41.308.852.036
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	17.233.298.345	84.757.124.609
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	12.541.880.373	7.849.822.920
314	4. Phải trả người lao động		6.410.407.347	1.791.569.503
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	39.803.523.151	44.868.883.633
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	3.466.732.320	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	4.995.267.539	24.235.708.721
320	8. Vay ngắn hạn	22	2.223.270.638.025	1.925.675.427.139
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.958.470.078	17.015.822.679
330	II. Nợ dài hạn		1.199.082.845.400	970.580.158.500
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	15.600.295.440	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	6.153.067.960	-
338	3. Vay dài hạn	22	1.177.329.482.000	970.580.158.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.080.100.508.740	2.701.606.601.277
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	3.080.100.508.740	2.701.606.601.277
411	1. Vốn cổ phần		2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		75.894.194.065	155.174.403.823
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(40.306.862.293)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		39.217.460.174	243.709.260.201
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		433.106.174.501	395.419.469.546
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		126.643.961.605	126.036.070.398
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		306.462.212.896	269.383.399.148
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.722.157.869.404	5.819.689.971.017

Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Trần Quế Trang
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	3.422.709.715.600	3.267.976.748.857
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(4.593.193.827)	(8.614.674.097)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	3.418.116.521.773	3.259.362.074.760
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(2.997.143.448.284)	(2.761.817.977.289)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		420.973.073.489	497.544.097.471
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	258.988.446.472	121.602.986.049
22	7. Chi phí tài chính	26	(191.221.246.992)	(150.174.417.116)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(182.287.488.941)	(94.342.654.614)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(59.629.689.336)	(76.826.454.280)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(102.997.726.811)	(110.103.463.012)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		326.112.856.822	282.042.749.112
31	11. Thu nhập khác		16.273.229.651	8.049.355.617
32	12. Chi phí khác		(7.655.929.657)	(2.066.477.737)
40	13. Lợi nhuận khác		8.617.299.994	5.982.877.880
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		334.730.156.816	288.025.626.992
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(27.746.928.152)	(19.498.715.635)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(521.015.768)	856.487.791
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		306.462.212.896	269.383.399.148

Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Trần Quế Trang
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		334.730.156.816	288.025.626.992
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11, 12, 13	107.434.366.531	95.789.802.625
03	Dự phòng		7.236.518.146	11.091.321.811
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(184.759.106)	478.613.333
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(247.045.124.526)	(118.728.703.238)
06	Chi phí lãi vay	26	182.287.488.941	94.342.654.614
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		384.458.646.802	370.999.316.137
09	Tăng các khoản phải thu		(90.172.886.782)	(501.234.139.914)
10	Tăng hàng tồn kho		(551.549.685.039)	(355.281.088.845)
11	Tăng các khoản phải trả		32.286.151.982	73.347.393.297
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(24.513.776.739)	4.485.408.576
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(69.379.966.906)	8.124.761.428
14	Tiền lãi vay đã trả		(178.444.007.630)	(87.034.656.680)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(26.193.036.513)	(9.547.504.230)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(40.123.080.569)	(15.710.905.019)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(563.631.641.394)	(511.851.415.250)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(140.226.910.057)	(308.233.957.729)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		5.952.933.933	463.821.700
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng		(898.880.000.000)	(228.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng		998.380.000.000	114.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(935.605.279.975)	(554.454.019.683)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		355.792.706.726	145.923.873.910
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		73.436.774.065	58.155.451.695
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(541.149.775.308)	(772.644.830.107)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	23.1	107.097.422.535	115.472.765.963
33	Tiền thu từ đi vay		4.802.787.608.475	5.353.114.134.857
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.301.275.653.029)	(3.633.450.665.725)
36	Cổ tức đã trả	23.2	(63.122.250)	(127.607.494.420)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		608.546.255.731	1.707.528.740.675
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(496.235.160.971)	423.032.495.318
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		558.391.859.290	135.966.594.558
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		30.878.755	(607.230.586)
70	Tiền cuối năm	4	62.187.577.074	558.391.859.290

Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Trần Quốc Trang
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 9 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 512 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 532 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 542).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Năm tài chính năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Tài sản khác	4 - 15 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ và chi phí phát triển vùng nguyên liệu được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.898.153.954	821.440.675
Tiền gửi ngân hàng	60.289.423.120	292.070.418.615
Các khoản tương đương tiền	-	265.500.000.000
TỔNG CỘNG	62.187.577.074	558.391.859.290

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Số cổ phần	Giá trị (VND)
Cổ phiếu niêm yết				
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("VNM")	217.400	32.072.009.925	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CI")	421.100	16.296.563.595	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà ("SJS")	523.650	15.825.065.546	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB")	200.000	5.186.327.840	-	-
TỔNG CỘNG		69.379.966.906		-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.643.741.981)		-
GIÁ TRỊ THUẦN		67.736.224.925		-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	342.225.610.999	321.926.128.056
Trong đó:		
- Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	92.886.874.238	147.570.149.989
- Công ty TNHH URC Việt Nam	63.752.010.000	315.000.000
- Các khách hàng khác	185.586.726.761	174.040.978.067
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	153.634.364.930	194.536.905.498
TỔNG CỘNG	495.859.975.929	516.463.033.554

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trị giá 351.158.560.712 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	763.063.021.070	843.053.047.468
Trả trước cho bên khác	417.087.117.188	394.569.395.347
Trong đó:		
- Nông dân (*)	327.472.092.864	263.443.834.004
- John Deere Asia (Singapore) Private Limited	40.558.172.143	-
- Các khoản trả trước khác	49.056.852.181	131.125.561.343
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	345.975.903.882	448.483.652.121
Dài hạn	22.658.393.705	11.969.867.212
Trả trước cho nông dân (*)	22.658.393.705	11.969.867.212
TỔNG CỘNG	785.721.414.775	855.022.914.680
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(28.559.697.354)	(24.882.892.556)
GIÁ TRỊ THUẦN	757.161.717.421	830.140.022.124

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất từ 9,6% đến 12% một năm.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.882.892.556	14.078.838.504
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	8.357.649.853	18.246.884.961
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.680.845.055)	(7.442.830.909)
Số cuối năm	28.559.697.354	24.882.892.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	88.352.460.694	65.365.472.035
Lãi phải thu	44.550.112.223	44.316.113.407
Phải thu chuyển nhượng cổ phiếu	13.349.424.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	13.074.585.316	17.856.943.497
Phải thu lợi nhuận được chia	7.288.838.895	-
Ký quỹ	1.087.096.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	9.002.404.260	3.192.415.131
Dài hạn	160.138.919.903	135.269.651.012
Ký quỹ thuê đất	147.431.494.903	122.562.226.012
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Campuchia (*)	12.707.425.000	12.707.425.000
TỔNG CỘNG	248.491.380.597	200.635.123.047
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(9.933.281.049)	(9.835.999.158)
GIÁ TRỊ THUẦN	238.558.099.548	190.799.123.889
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	86.447.722.244	22.293.928.114
Phải thu từ bên khác	152.110.377.304	168.505.195.775

(*) Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 12.707.425.000 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 12.707.425.000 VND) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Campuchia với thời hạn 10 (mười) năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Công ty cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.835.999.158	9.208.437.046
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.968.471.294	4.990.369.865
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.871.189.403)	(4.362.807.753)
Số cuối năm	9.933.281.049	9.835.999.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	1.349.843.235.768	862.584.069.217
Nguyên vật liệu	205.117.282.454	77.181.749.394
Hàng hóa	65.745.124.814	85.092.056.316
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.815.300.158	30.573.298.646
Công cụ, dụng cụ	545.297.612	674.347.457
Hàng gửi đi bán	1.909.197.652	4.089.182.494
Hàng hóa bất động sản	-	49.231.049.895
TỔNG CỘNG	1.660.975.438.458	1.109.425.753.419
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.290.212.575)	(819.491.576)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.659.685.225.883	1.108.606.261.843

Hàng tồn kho trị giá 1.046.369.750.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	60.634.346.409	35.374.193.564
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	39.628.442.299	19.581.071.258
Chi phí ngoài vụ chờ kết chuyển	14.688.402.852	14.976.264.911
Khác	6.317.501.258	816.857.395
Dài hạn	35.654.264.372	33.760.640.478
Tiền thuê đất trả trước	25.098.401.951	31.194.241.064
Khác	10.555.862.421	2.566.399.414
TỔNG CỘNG	96.288.610.781	69.134.834.042

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
						VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	304.297.085.125	1.412.376.512.273	23.884.270.446	6.704.502.572	58.462.330.530	1.805.724.700.946
Mua mới	-	-	4.960.660.508	1.879.867.392	3.009.425.277	9.849.953.177
Đầu tư XD CB hoàn thành	15.517.161.947	63.794.782.685	-	-	-	79.311.944.632
Thanh lý	-	(11.646.245.971)	(1.764.369.722)	-	-	(13.410.615.693)
Số cuối năm	319.814.247.072	1.464.525.048.987	27.080.561.232	8.584.369.964	61.471.755.807	1.881.475.983.062
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	21.947.206.254	146.636.950.854	6.192.320.011	4.931.246.624	58.405.330.530	238.113.054.273
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	171.986.176.728	1.111.853.615.601	13.143.191.142	5.136.894.056	58.397.122.017	1.360.516.999.544
Khấu hao trong năm	12.622.702.810	83.847.238.650	2.788.501.857	752.105.337	198.331.098	100.208.879.752
Thanh lý	-	(2.340.200.215)	(1.539.013.746)	-	-	(3.879.213.961)
Số cuối năm	184.608.879.538	1.193.360.654.036	14.392.679.253	5.888.999.393	58.595.453.115	1.456.846.665.335
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	132.310.908.397	300.522.896.672	10.741.079.304	1.567.608.516	65.208.513	445.207.701.402
Số cuối năm	135.205.367.534	271.164.394.951	12.687.881.979	2.695.370.571	2.876.302.692	424.629.317.727
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22)	116.033.333.166	209.455.275.108	-	-	-	325.488.608.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	175.349.011.459	10.948.373.572	186.297.385.031
Mua mới	-	3.983.101.150	3.983.101.150
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(29.296.423.000)	-	(29.296.423.000)
Số cuối năm	146.052.588.459	14.931.474.722	160.984.063.181
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.610.377.636	3.272.684.150	4.883.061.786
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	10.627.513.423	4.648.933.356	15.276.446.779
Hao mòn trong năm	2.753.485.779	2.024.031.870	4.777.517.649
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(4.494.793.665)	-	(4.494.793.665)
Số cuối năm	8.886.205.537	6.672.965.226	15.559.170.763
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	164.721.498.036	6.299.440.216	171.020.938.252
Số cuối năm	137.166.382.922	8.258.509.496	145.424.892.418
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22)</i>	130.626.608.621	-	130.626.608.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

			VND
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	108.764.596.789	-	108.764.596.789
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	-	29.296.423.000	29.296.423.000
Số cuối năm	108.764.596.789	29.296.423.000	138.061.019.789
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	-	-
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	-	4.494.793.665	4.494.793.665
Khấu hao và hao mòn trong năm	2.157.412.824	290.556.306	2.447.969.130
Số cuối năm	2.157.412.824	4.785.349.971	6.942.762.795
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	106.607.183.965	24.511.073.029	131.118.256.994
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22)	106.607.183.965	24.511.073.029	131.118.256.994

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ trên cơ sở bất động sản đầu tư (trung tâm thương mại) vì hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	16.454.088.618	93.957.120.070
Dự án kho bãi	14.663.199.577	-
Hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị đang lắp đặt	14.435.106.622	17.698.066.904
Khác	138.978.669	5.924.941.517
TỔNG CỘNG	45.691.373.486	117.580.128.491

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 16.454.088.618 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

Trong năm, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với số tiền là 4.413.958.088 VND (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 6.067.203.678 VND) vào dự án Espace Bourbon Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	1.118.629.504.600	967.629.504.600
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	1.397.740.319.375	463.135.039.400
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.3)	770.062.384	259.937.095.306
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.313.139.271)	(965.170.794)
TỔNG CỘNG	<u>2.514.826.747.088</u>	<u>1.689.736.468.512</u>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	189.000.000.000	90,00	189.000.000.000	90,00
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai (*)	Sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính	658.850.304.600	100,00	508.850.304.600	100,00
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư nhân Đầu tư TSU	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	269.779.200.000	94,94	269.779.200.000	94,94
Công ty TNHH MTV Nước Míaqua	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất và chế biến nước ngọt, nước trái cây và sữa đậu nành; và sản xuất nước tinh khiết đóng chai	1.000.000.000	100,00	-	-
TỔNG CỘNG		1.118.629.504.600		967.629.504.600	

(*) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2017, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Công Gia Lai – trước đây là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Gia Lai ("TTC Gia Lai") nhận GCNĐKKD điều chỉnh từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 389.998.760.000 VND lên 539.998.760.000 VND. Theo đó, Công ty thực hiện góp vốn vào TTC Gia Lai cho phần tăng thêm này. Khoản vốn góp của Công ty tại TTC Gia Lai trị giá 335.499.367.600 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng thương mại và khoản vay trái phiếu (Thuyết minh số 22).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thanh Công	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và khu dân cư, khai thác nước ngầm, thoát nước và xử lý nước thải	245.000.000.000	49,00	245.000.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre (*)	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ dừa và hàng nông sản; gia công xuất khẩu; dịch vụ du lịch và đầu tư tài chính	402.495.280.000	48,99	-	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm; chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp	53.765.987.400	23,95	53.765.987.400	23,95
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm có đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	31.579.200.000	20,10	31.579.200.000	21,96
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường	117.669.852.000	39,23	117.669.852.000	39,23

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Chi phí đầu tư	% sở hữu	Chi phí đầu tư	% sở hữu
		(VND)		(VND)	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Công	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	15.120.000.000	48,00	15.120.000.000	48,00
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (**)	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu đường; trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác; sản xuất truyền tải và phân phối điện; và bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	532.109.999.975	40,00	-	-
TỔNG CỘNG		1.397.740.319.375		463.135.039.400	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.543.076.887)		(126.775.323)	
GIÁ TRỊ THUẬN		1.396.197.242.488		463.008.264.077	

(*) Vào ngày 12 tháng 7 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 20.124.764 cổ phần tương ứng 48,99% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre từ các cổ đông cá nhân.

(**) Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40% vốn cổ phần của Công ty TNHH TTC Attapeu - trước đây là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai ("TTC Attapeu") từ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017. Việc nhận chuyển nhượng này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp GCNDDKDN lần thứ 6 vào ngày 30 tháng 5 năm 2017. Toàn bộ khoản vốn góp của Công ty tại TTC Attapeu được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trái phiếu (Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	-	-	173.410.062.139	9,75
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	-	-	67.004.967.683	4,73
Công ty Cổ phần Đường Cần Thơ	-	-	18.752.003.100	6,43
Đầu tư dài hạn khác	770.062.384		770.062.384	
TỔNG CỘNG	770.062.384		259.937.095.306	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(770.062.384)		(838.395.471)	
GIÁ TRỊ THUẦN	-		259.098.699.835	

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	79.547.277.278	13.576.383.051
Phải trả bên khác	43.747.020.808	27.732.468.985
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	10.336.612.000	2.429.845.000
- Nông dân	15.190.523.170	4.083.603.416
- Khác	18.219.885.638	21.219.020.569
TỔNG CỘNG	123.294.298.086	41.308.852.036

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	15.092.305.831	15.153.519.660
Bên khác	2.140.992.514	69.603.604.949
Trong đó:		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	68.570.710.000
- Khác	2.140.992.514	1.032.894.949
TỔNG CỘNG	17.233.298.345	84.757.124.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.849.822.920	27.746.928.152	(26.193.036.513)	9.403.714.559
Thuế giá trị gia tăng	-	483.896.748.481	(481.236.546.597)	2.660.201.884
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.592.669.522	(4.114.705.592)	477.963.930
TỔNG CỘNG	7.849.822.920	516.236.346.155	(511.544.288.702)	12.541.880.373
Phải thu				
Thuế nhập khẩu	-	148.863.114.382	(81.208.736.275)	67.654.378.107
Thuế thu nhập cá nhân	282.072.007	-	(282.072.007)	-
TỔNG CỘNG	282.072.007	148.863.114.382	(81.490.808.282)	67.654.378.107

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí lãi vay	13.689.301.655	9.845.820.344	
Chi phí mua mía	9.680.034.780	-	
Chi phí xây dựng	4.251.334.336	-	
Chi phí vận chuyển	1.735.512.434	3.511.502.140	
Chi phí mua đường	-	8.564.877.909	
Khác	10.447.339.946	22.946.683.240	
TỔNG CỘNG	39.803.523.151	44.868.883.633	

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền nhận trước từ khách hàng liên quan hoạt động cho thuê mặt bằng ở Trung tâm Thương mại TTC Tây Ninh tại Số 217 - 219, Đường 30/4, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và các dịch vụ liên quan tới hoạt động cho thuê trong hai mươi (20) năm từ tháng 1 năm 2017.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Ngắn hạn	4.995.267.539	24.235.708.721	
Chi phí vận chuyển và thu hoạch	1.524.007.192	1.299.155.796	
Ký quỹ	641.102.840	-	
Mượn nguyên vật liệu	-	15.648.984.731	
Khác	2.830.157.507	7.287.568.194	
Dài hạn	6.153.067.960	-	
Ký quỹ	6.153.067.960	-	
TỔNG CỘNG	11.148.335.499	24.235.708.721	
<i>Trong đó:</i>			
Phải trả các bên khác	9.933.143.190	3.295.550.407	
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.215.192.309	20.940.158.314	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá	VND Số cuối năm
Ngắn hạn	1.925.675.427.139	4.533.895.492.474	(4.236.492.860.528)	192.578.940	2.223.270.638.025
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 22.1)					
Vay từ bên liên quan	1.625.896.256.639	4.104.803.150.474	(3.867.117.690.028)	192.578.940	1.863.774.296.025
(Thuyết minh số 30)					
Vay dài hạn đến hạn trả	182.000.000.000	269.000.000.000	(249.000.000.000)	-	202.000.000.000
ngân hàng					
(Thuyết minh số 22.2)					
Vay dài hạn đến hạn trả	17.988.828.500	7.706.000.000	(17.988.828.500)	-	7.706.000.000
bên liên quan					
(Thuyết minh số 22.3)					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	2.386.342.000	2.386.342.000	(2.386.342.000)	-	2.386.342.000
(Thuyết minh số 22.4)					
	97.404.000.000	150.000.000.000	(100.000.000.000)	-	147.404.000.000
Dài hạn	970.580.158.500	431.370.800.000	(224.621.476.500)	-	1.177.329.482.000
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 22.2)					
Vay bên liên quan	73.805.134.500	11.228.000.000	(74.875.134.500)	-	10.158.000.000
(Thuyết minh số 22.3)					
Trái phiếu	7.159.024.000	-	(2.386.342.000)	-	4.772.682.000
(Thuyết minh số 22.4)					
	889.616.000.000	420.142.800.000	(147.360.000.000)	-	1.162.398.800.000
TỔNG CỘNG	2.896.255.585.639	4.965.266.292.474	(4.461.114.337.028)	192.578.940	3.400.600.120.025

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	498.682.653.608	-	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 12 năm 2017	Quyền sử dụng thửa đất số 3105 tọa lạc tại Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	224.209.631.087	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 17 tháng 9 năm 2017	Quyền sử dụng đất thửa đất số 49 tại Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Hà Nội	219.960.150.376	-	Từ ngày 24 tháng 10 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 18.750.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	158.204.832.898	-	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND
Ngân hàng DBS Bank Ltd - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	136.886.795.082	-	Từ ngày 3 tháng 10 năm 2017 đến ngày 29 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 11.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	102.795.707.861	-	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.600.000 đô la Mỹ

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hòa Hưng	100.000.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017	Khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	99.315.396.371	-	Từ ngày 3 tháng 11 năm 2017 đến ngày 8 tháng 11 năm 2017	Hàng tồn kho với giá trị 143.000.000.000 VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hà Nội	60.200.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 22 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 5.000.000 đô la Mỹ
Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở Giao dịch	60.000.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 7 năm 2017	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	42.459.536.000	-	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2017 đến ngày 9 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho với giá trị 143.750.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	37.500.000.000	-	Ngày 25 tháng 10 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 150.000.000.000 VND

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	36.329.051.654	-	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến ngày 10 tháng 11 năm 2017	Khoản phải thu với giá trị 100.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương	29.297.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 8 năm 2017 đến 10 tháng 8 năm 2017	Phần vốn góp của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Công Gia Lai giá trị 136.600.000.000 VND
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad, Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.284.387.088	1.241.249	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2017 đến ngày 7 tháng 7 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 5.000.000 đô la Mỹ
	14.649.154.000	-	Từ ngày 29 tháng 8 năm 2017 đến ngày 22 tháng 12 năm 2017	
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tây Ninh	15.000.000.000	-	Ngày 22 tháng 7 năm 2017	Tin chấp
	1.863.774.296.025	1.241.249		

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty và chịu lãi suất thị trường.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	17.864.000.000	Từ 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2019	Quyền sử dụng đất thừa số 513 tại Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và máy móc hình thành từ khoản vay
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	7.706.000.000		
Vay dài hạn	10.158.000.000		

Khoản vay dài hạn từ ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích mua sắm và xây dựng tài sản cố định và chịu lãi suất thị trường.

22.3 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	7.159.024.000	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 đến ngày 10 tháng 4 năm 2020	Tin chấp
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	2.386.342.000		
Vay dài hạn	4.772.682.000		

Khoản vay dài hạn từ bên liên quan được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty và chịu lãi suất 4,62% một năm.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. VAY (tiếp theo)

22.4 Trái phiếu phát hành

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay
Phát hành theo mệnh giá			
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Hợp đồng mua trái phiếu số 01.2016/PL/TPBANK-SBT ngày 30 tháng 5 năm 2016 (*)	533.796.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Hợp đồng mua trái phiếu số 06 – TP/2016/VIB – TTCS ngày 30 tháng 5 năm 2016 (*)	355.864.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội – Hợp đồng mua trái phiếu số 01/2017/HĐTP/TTCS-BIDV ngày 23 tháng 6 năm 2017 (**)	420.142.800.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2019 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	Thực hiện dự án đầu tư cụm công nghiệp mía đường và vùng nguyên liệu tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua việc mua phần vốn góp của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu
	1.309.802.800.000		
Trong đó:			
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	147.404.000.000		
Vay dài hạn	1.162.398.800.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau: (tiếp theo)

(*) Lãi suất trái phiếu

Lãi suất trái phiếu là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và cộng (+) với biên độ 2,6% một năm.

Hình thức đảm bảo

Quyền sử dụng đất thừa số 97 tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và 51% phần vốn góp của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai.

() Lãi suất trái phiếu**

Lãi suất trái phiếu sẽ được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định xác định tại ngày phát hành đối với kỳ tính lãi đầu tiên hoặc ngày làm việc thứ bảy (7) trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi tiếp theo; và bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng (+) với biên độ 3,2% một năm.

Hình thức đảm bảo

- Quyền thuê đất theo Hợp đồng số 8011/TNM ngày 19 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu") và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 51 héc-ta tại Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản là động sản và bất động sản gắn liền với đất và quyền lợi phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của Hoàng Anh Attapeu; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;
- Quyền thuê đất theo Hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2013 giữa Hoàng Anh Attapeu và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 2.739,9 héc-ta tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của Hoàng Anh Attapeu; công trình xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ nông trường, nhà máy đường, nhà máy nhiệt điện và nhà máy phân vi sinh; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; và
- Toàn bộ khoản vốn góp của Công ty tại TTC Attapeu.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Năm trước						
Số đầu năm	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	227.425.653.785	289.521.467.113	1.955.101.921.865
Tăng vốn trong năm	462.610.330.000	137.426.724.600	-	-	-	600.037.054.600
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	24.286.015.963
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	269.383.399.148	269.383.399.148
Trích lập các quỹ	-	-	-	16.283.606.416	(16.283.606.416)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(19.540.327.699)	(19.540.327.699)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Số cuối năm	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	243.709.260.201	395.419.469.546	2.701.606.601.277
Năm nay						
Số đầu năm	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	243.709.260.201	395.419.469.546	2.701.606.601.277
Tăng vốn trong năm (*)	584.272.350.000	(146.070.770.000)	-	(233.713.240.000)	(204.488.340.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	66.790.560.242	40.306.862.293	-	-	107.097.422.535
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	306.462.212.896	306.462.212.896
Trích lập các quỹ	-	-	-	29.221.439.973	(29.221.439.973)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(35.065.727.968)	(35.065.727.968)
Số cuối năm	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	39.217.460.174	433.106.174.501	3.080.100.508.740

(*) Vào ngày 24 tháng 10 năm 2016, Công ty đã phát hành 58.427.235 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu dưới hình thức cổ phiếu thưởng lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 3 tháng 8 năm 2016. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 vào ngày 4 tháng 11 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
Tăng trong năm	584.272.350.000	462.610.330.000
Số cuối năm	2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
Cổ tức công bố	-	127.661.462.600
Cổ tức đã trả	(63.122.250)	(127.607.494.420)

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	253.188.268	194.761.033
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	253.188.268	194.761.033
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	3.268.840
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	253.188.268	191.492.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
		VND
Tổng doanh thu:	3.422.709.715.600	3.267.976.748.857
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán đường	3.011.536.867.241	3.053.922.247.016
Doanh thu bán mật đường	121.044.552.397	84.784.111.415
Doanh thu bán điện	57.198.005.273	48.343.751.912
Doanh thu bán phân bón	54.397.149.347	51.636.357.026
Doanh thu khác	178.533.141.342	29.290.281.488
Trừ:		
Giảm giá hàng bán	(2.103.354.107)	(2.783.923.674)
Hàng bán trả lại	(2.489.839.720)	(5.830.750.423)
Doanh thu thuần	3.418.116.521.773	3.259.362.074.760
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán đường	3.007.394.530.307	3.045.307.572.919
Doanh thu bán mật đường	120.887.960.968	84.784.111.415
Doanh thu bán điện	57.198.005.273	48.343.751.912
Doanh thu bán phân bón	54.304.733.901	51.636.357.026
Doanh thu khác	178.331.291.324	29.290.281.488
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	2.337.428.802.578	2.759.874.010.688
Doanh thu đối với bên liên quan	1.080.687.719.195	499.488.064.072

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
		VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	98.240.292.107	31.981.224.910
Thu nhập lãi	92.730.101.516	65.399.912.403
Cổ tức	61.267.817.005	21.550.631.400
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.750.235.844	2.671.217.336
TỔNG CỘNG	258.988.446.472	121.602.986.049

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
		VND
Giá vốn bán đường	2.614.218.789.823	2.552.499.540.454
Giá vốn bán mật đường	105.197.130.000	79.791.624.000
Giá vốn bán điện	75.265.709.284	56.291.260.107
Giá vốn bán phân bón	54.304.733.901	49.574.609.657
Giá vốn khác	148.157.085.276	23.660.943.071
TỔNG CỘNG	2.997.143.448.284	2.761.817.977.289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	182.287.488.941	94.342.654.614
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.302.017.144	42.346.316.435
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	2.991.710.458	(340.294.354)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	2.937.679.680
Khác	2.640.030.449	10.888.060.741
TỔNG CỘNG	191.221.246.992	150.174.417.116

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.001.003.387	54.129.052.283
Chi phí nhân viên	8.179.020.274	11.304.608.063
Chi phí khác	4.449.665.675	11.392.793.934
	<u>59.629.689.336</u>	<u>76.826.454.280</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	46.572.387.260	38.136.218.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.138.360.720	17.917.641.430
Chi phí dự phòng	10.366.048.860	16.418.117.070
Khấu hao và hao mòn	5.140.610.977	6.584.700.076
Chi phí khác	20.780.318.994	31.046.785.785
	<u>102.997.726.811</u>	<u>110.103.463.012</u>
TỔNG CỘNG	162.627.416.147	186.929.917.292

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	2.782.685.150.628	2.570.697.414.632
Chi phí nhân công	119.959.816.895	116.775.790.339
Chi phí khấu hao và hao mòn	106.594.789.617	95.789.802.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.314.835.174	89.540.967.133
Chi phí khác	68.216.272.117	75.943.919.852
TỔNG CỘNG	3.159.770.864.431	2.948.747.894.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và 20% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khác. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.315.560.390	20.116.265.660
Thuế TNDN trích thiếu (thừa) các năm trước	431.367.762	(617.550.025)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	521.015.768	(856.487.791)
TỔNG CỘNG	28.267.943.920	18.642.227.844

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	334.730.156.816	288.025.626.992
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	41.664.535.093	31.698.371.914
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Cổ tức	(6.126.781.701)	(2.155.063.140)
Thuế TNDN trích thiếu (thừa) các năm trước	431.367.762	(617.550.025)
Chi phí không được khấu trừ	111.716.629	69.572.848
Thuế TNDN được miễn	(7.812.893.863)	(10.353.103.753)
Chi phí thuế TNDN	28.267.943.920	18.642.227.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thay đổi chi phí trả trước ngắn hạn	335.472.023	856.487.791	(521.015.768)	856.487.791
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	335.472.023	856.487.791		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(521.015.768)	856.487.791

VND

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
VND				
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Bán hàng hóa	788.356.716.768 576.614.234.980	622.011.100.370 39.387.692.630
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay Mua hàng hóa Mua dịch vụ Bán hàng hóa Thu nhập lãi Mua nguyên liệu Cung cấp dịch vụ	764.880.000.000 110.199.000.000 37.514.044.928 35.265.678.600 31.105.458.559 15.410.000.000 229.090.911	214.000.000.000 141.741.761.971 7.103.162.326 3.044.453.390 17.354.088.654 - 229.090.911
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Bán hàng hóa Bán tài sản cố định Mua tài sản Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ Bán nguyên liệu Mua hàng hóa Cổ tức	327.158.950.050 172.824.993.270 1.819.397.390 550.172.700 539.756.677 346.234.133 20.017.144.035 4.166.166.391 -	609.674.882.515 99.429.209.068 480.000.000 - 611.685.911 - 384.375.558.119 7.475.018.201 10.465.910.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Công ty con	Vay	269.000.000.000	-	-
		Góp vốn	150.000.000.000	-	-
		Mua hàng hóa	134.690.971.342	92.767.561.670	92.767.561.670
		Lợi nhuận được chia	50.000.000.000	-	-
		Mua nguyên liệu	15.600.000.000	-	-
		Chi phí lãi	2.419.666.664	883.347.221	883.347.221
		Bán hàng hóa	488.571.428	1.797.440.456	1.797.440.456
		Bán tài sản	365.954.964	-	-
		Mua máy móc thiết bị	316.914.846	-	-
		Cung cấp dịch vụ	28.995.174	4.427.698.995	4.427.698.995
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	-	1.707.779.833	1.707.779.833
		Bán hàng hóa	190.038.071.444	189.665.401.876	189.665.401.876
		Mua dịch vụ	9.781.195.193	9.621.356.702	9.621.356.702
		Mua hàng hóa	1.725.041.495	2.755.853.664	2.755.853.664
		Thu nhập lãi	1.033.524.398	718.939.786	718.939.786
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	7.007.273	771.309.661	771.309.661
		Mua nguyên liệu	149.472.871.475	-	-
		Mua hàng hóa	48.710.142.857	144.300.952.381	144.300.952.381
		Thu nhập lãi	13.598.051.703	11.833.868.336	11.833.868.336
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	48.119.047.621	48.119.047.621
		Mua hàng hóa	130.953.619.050	51.981.452.387	51.981.452.387
		Mua nguyên liệu	50.382.167.031	-	-
		Bán hàng hóa	-	134.828.571.429	134.828.571.429
		Bán tài sản cố định	-	529.637.837	529.637.837

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa Mua nguyên liệu Thu nhập lãi Bán nguyên liệu Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Cổ tức Mua dịch vụ	95.409.481.361 116.202.694.495 648.487.510 972.903.604 531.776.327 150.000.000 694.651.000 -	- 2.611.878.826 23.333.333 - 1.232.684.000 - 3.473.255.000 949.970.222
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Lợi nhuận được chia Bán hàng hóa Thu nhập lãi	114.044.021.914 7.288.838.895 20.332.350.522 45.424.928	47.856.405.042 - - -
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa Bán tài sản	71.011.016.282 3.789.946.332	- -
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Thu nhập lãi Bán hàng hóa	68.742.132.077 11.730.084.208 -	147.617.738.785 1.584.429.819 32.586.144.759
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Đặt cọc thuê đất Tiền thuê đất	57.865.463.900 4.134.487.500	- -
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bền Tre	Công ty liên kết	Mua hàng hóa Bán hàng hóa Thu nhập lãi	33.857.142.857 1.368.349.500 1.219.501.112	117.265.955.634 41.924.367.976 5.402.809.905

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
VND				
Công ty TNHH MTV Hải Vĩ	Bên liên quan	Mua dịch vụ Chi hộ	23.429.454.343	-
		Cung cấp dịch vụ	13.094.209.628	-
		Bán hàng hóa	3.830.908.734	-
		Mua nguyên liệu	2.544.098.559	-
			534.242.200	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa Bán hàng hóa	22.925.346.869	147.594.183.402
			8.438.095	8.028.857
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa Cho vay	12.745.126.277	292.000.000
		Thu nhập lãi	14.000.000.000	14.500.000.000
		Chi phí lãi	1.241.597.218	381.222.220
		Cung cấp dịch vụ	441.302.143	352.949.858
		Mua tài sản	420.818.182	381.818.182
		Bán hàng hóa	350.000.000	-
			40.221.818	-
Công ty Cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	9.343.263.809	-
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Công ty liên kết	Bán tài sản	7.261.165.198	-
		Cho vay	3.000.000.000	-
		Thu nhập lãi vay	174.666.668	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	6.811.361.927	13.836.635.496

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	VND Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	6.539.345.301	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Công	Công ty con	Mua dịch vụ Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Vay	3.875.687.517 7.821.905 5.917.273 -	- - - 182.000.000.000
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Mua nguyên liệu Mua hàng hóa	1.471.130.200 434.369.428 240.000.000 310.211.360 -	820.900.000 327.895.486 240.000.000 - 505.800.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Mua dịch vụ Tiền thuê đất Bán hàng hóa	1.008.785.960 - -	2.010.338.018 67.491.898.320 10.046.666
Công ty TNHH MTV Nước Míaqua	Công ty con	Bán hàng hóa	342.139.704	-
Giao dịch với bên liên quan khác				
Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:				
Lương, thưởng và các chi phí liên quan			6.111.632.740	8.659.515.086

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	74.847.434.386	-
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Bán hàng hóa	59.156.583.419	50.498.783.775
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.997.485.332	15.911.948.381
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Công ty liên kết	Bán tài sản	7.261.165.198	-
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa	4.096.638.534 318.505.825	- -
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	420.000.000	323.333.334
Công ty TNHH MTV Nước Miaqua	Công ty con	Bán hàng hóa	332.559.506	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	306.167.140	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa	365.954.964 169.723.125 -	- 324.562.125 582.601.621
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	264.000.000	247.479.500
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa	48.000.000 4.525.001	24.000.000 214.013.889
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	45.622.500	20.891.055.625
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	59.646.196.621
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	30.613.930.627
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	15.259.000.000
			153.634.364.930	194.536.905.498

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công (*)	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	157.687.000.000	14.011.549.910	
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam (*)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	98.146.384.605	107.533.442.140	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (*)	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	52.722.834.951	-	
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng (*)	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	20.015.194.100	36.487.077.117	
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Mua dịch vụ	2.450.466.821 2.122.804.295	- -	
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	5.874.764.500	-	
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	5.156.829.000	-	
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.075.030.000	-	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Mua hàng hóa	597.795.610 -	- 583.135.138	
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đăng Huỳnh	Bên liên quan	Mua dịch vụ	126.800.000	-	
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	274.868.447.816	
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	15.000.000.000	
			345.975.903.882	448.483.652.121	

(*) Khoản trả trước ngắn hạn cho bên liên quan với lãi suất từ 8,0% đến 9,6% một năm.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Hải Vĩ	Bên liên quan	Chi hộ	2.973.460.912	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Lợi nhuận được chia	7.288.838.895	-
		Chi hộ	1.568.832.139	1.315.729.513
		Thu nhập lãi	-	1.578.869.885
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	1.554.001.111	1.829.645.056
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Chi hộ	821.360.146	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Thu nhập lãi	706.624.705	625.307.897
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Thu nhập lãi	480.027.230	3.643.388.890
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Chi hộ	131.580.000	-
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	120.666.668	-
		Chi hộ	11.552.762	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	105.041.667	193.333.332
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Chi hộ	57.430.442	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	55.416.667	376.895.208
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	-	23.333.333
			15.874.833.344	9.586.503.114

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Đặt cọc thuê đất	57.865.463.900	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	12.707.425.000	12.707.425.000
			70.572.888.900	12.707.425.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cho vay	12.000.000.000	14.500.000.000
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Công ty liên kết	Cho vay	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	-	100.000.000.000
			15.000.000.000	114.500.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cho vay từ 8,0% đến 8,5% một năm.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	36.485.745.606	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	21.006.825.000	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Công Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	8.190.000.000	7.787.217.922
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	6.345.428.192	2.581.604.929
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	2.461.183.000	3.207.560.200
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.917.610.286	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Công	Công ty con	Mua dịch vụ	1.367.721.693	-
Công ty Cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.060.000.001	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	675.000.000	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Công	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	31.363.500	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	6.400.000	-
			79.547.277.278	13.576.383.051

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	10.958.320.000	-
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.532.566.506	1.588.600.160
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.280.449.618	11.906.304.482
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.214.000.000	1.214.000.000
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa	99.149.707	72.922.918
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	7.820.000	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	371.692.100
			15.092.305.831	15.153.519.660
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.061.596.000	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Công ty con	Chi phí lãi	654.736.111	-
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Mua dịch vụ	253.120.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Chi phí lãi	74.418.054	-
			2.043.870.165	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Công (*)	Công ty con	Vay	182.000.000.000	182.000.000.000
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Công Gia Lai (**)	Công ty con	Vay	20.000.000.000	-
			202.000.000.000	182.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Chi phí lãi	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mượn nguyên liệu	-	100.449.068
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Công	Công ty con	Mua dịch vụ	14.143.000	15.648.984.731
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Công	Công ty liên kết	Khác	1.049.309	2.490.379.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Chi phí lãi	-	-
			1.215.192.309	1.500.345.515
			1.215.192.309	20.940.158.314

(*) Đây là khoản vay không có thời hạn thu hồi và không chịu lãi suất, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

(**) Đây là khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất vay là 8,5% một năm, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.660.372.320	217.672.448
Từ 1 – 5 năm	1.148.588.760	-
TỔNG CỘNG	4.808.961.080	217.672.448

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản cam kết trị giá 1.046.537.970 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 42.473.797.613 VND) liên quan đến việc xây dựng dự án Espace Bourbon Tây Ninh.

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông bất thường đã phê duyệt phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa vào Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 303.830.405 cổ phiếu mới vào ngày 6 tháng 9 năm 2017 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa theo tỷ lệ 1:1,02. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 18 tháng 9 năm 2017.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập


Lê Phát Tín
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trang
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 9 năm 2017